

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30 – 11 - 2020

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Bá Lưu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Văn Ngọc.

2. Ông Đặng Văn Hoàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Đặng Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ L số 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2019 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1351/QĐ-ST ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm: 1969

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố 8, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.  
Vắng mặt.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Kỳ Q, sinh năm 1967

Hiện trú tại: Số nhà 17 phố Rochocop, Quận Canavinh, thành phố Nhirnhinovnopgo rôt, Liên bang Nga. Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố 8, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” ngày 16/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Kỳ Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình vào ngày 05/03/1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 1999 vợ chồng bàn bạc thống nhất để ông Q đi xuất khẩu lao động ở nước Nga. Thời gian đầu, dù sống xa nhau nhưng giữa vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm, động viên nhau. Đến năm 2001 thì bà phát hiện

chồng có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau về tình cảm lẫn kinh tế. Tháng 8/2001 bà đã xuất cảnh sang Nga để tìm chồng và tìm cách hàn gắn lại hạnh phúc gia đình nhưng không được. Đến năm 2003 bà trở về Việt Nam còn ông Q vẫn ở lại Nga, kể từ đó cho đến nay đã gần 20 năm ông Q không có trách nhiệm gì với gia đình, vợ chồng không còn liên lạc nữa, mỗi người làm ăn ở mỗi nước khác biệt. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 13/6/1997, hiện cháu đã đủ tuổi trưởng thành, đủ khả năng lao động, muốn ở với ai là quyền của cháu, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ con chung.

Về tài sản chung: Bà L trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Kỳ Q: Sau khi thụ L vụ án, Tòa án đã hai lần ủy thác tư pháp thông qua cơ quan đại diện của Việt Nam tại Liên bang Nga để yêu cầu cơ quan này tổng đạt các văn bản tố tụng và thu thập lời khai đối với ông Q. Ngày 27/7/2020, Tòa án tiếp tục gửi văn bản yêu cầu niêm yết công khai tại trụ sở và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan Đại sứ quán Việt Nam tại Liên bang Nga.

Ngày 17/11/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được bản tự khai đề ngày 27/10/2020 của ông Nguyễn Kỳ Q gửi về từ Cộng hòa liên bang Nga. Ông Q thống nhất như trình bày của bà L về các mối quan hệ: hôn nhân, con chung và tài sản chung của vợ chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, nay bà Trần Thị L khởi kiện ly hôn ông Q đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận đơn ly hôn.

Về con chung: Ông Q trình bày vợ chồng có 01 con chung, cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện khó khăn và dịch bệnh Covid-19 nên ông Nguyễn Kỳ Q không thể Việt Nam để tham gia phiên tòa được, đề nghị Tòa án Tòa án xét xử vắng mặt.

Ngày 17/11/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bà Trần Thị L.

Xét thấy việc trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký tại bản tự khai của ông Nguyễn Kỳ Q và Đơn xin xét xử vắng mặt của bà Trần Thị L là cần thiết cho việc làm căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 17/11/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ra Quyết định số 1766/2020/QĐ-TCGD trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký của ông Nguyễn Kỳ Q và bà Trần Thị L ở mục “Người làm đơn” trong các tài liệu đã gửi cho Tòa án. Tại kết luận giám định số 1361/PC09(GĐ) ngày 27/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình đã xác định chữ viết, chữ ký đứng tên bà Trần Thị L và chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Kỳ Q trên tài liệu cần giám định và tài liệu mẫu so sánh là do cùng một

người viết ra (tức là tài liệu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được là do chính bà Trần Thị L và ông Nguyễn Kỳ Q viết ra).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi nghĩa vụ của họ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L, xử cho bà Trần Thị L được ly hôn ông Nguyễn Kỳ Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 13/6/1997, hiện đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn ông Nguyễn Kỳ Q là công dân Việt Nam đang cư trú và làm việc tại nước ngoài, theo thông tin cung cấp của Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ công an ông Nguyễn Kỳ Q đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần đây nhất xuất cảnh ngày 12/02/2019, hiện chưa thấy thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc vắng mặt của đương sự trong trường hợp này, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án với sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn.

#### *[2] Về quan hệ hôn nhân:*

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Kỳ Q là hợp pháp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình vào ngày 05/03/1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, cuối năm 1999 vợ chồng bàn bạc thống nhất để ông Q đi xuất khẩu lao động ở nước Nga đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong thời gian dài vợ chồng sống xa nhau, giữa vợ chồng đã không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau thường xuyên nên đã phát sinh mâu thuẫn, hạnh phúc gia đình lâu ngày không được vun đắp nên có nhiều rạn nứt. Hiện tại hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không ai có mong muốn hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Bà Trần Thị L có yêu cầu giải quyết ly hôn và được ông Q đồng ý. Xét thấy, cuộc sống chung trên thực tế không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị L, xử cho bà Trần Thị L được ly hôn ông Nguyễn Kỳ Q là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 13/6/1997, hiện đã đủ tuổi trưởng thành, các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] *Về án phí, lệ phí*: Bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, phải chịu chi phí giám định tư pháp theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Điều 147 khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị L được ly hôn ông Nguyễn Kỳ Q.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 13/6/1997, hiện đã đủ tuổi trưởng thành, các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí:

Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0006830 ngày 25/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Trần Thị L và ông Nguyễn Kỳ Q có quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### ***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh QB (P9);
- Các đương sự;
- Cục THA dân sự tỉnh QB;
- Lưu án văn, Hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

**Võ Bá Lưu**